TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/02/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Mai**

2. Bà **Lê Thị Xuân Lang**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mộng Linh –** Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 579/2017/HNST ngày 19/12/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6289/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 526/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị Tuyết A,** sinh năm 1970

Địa chỉ: 1244/3 đường F, Phường R, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông **Le Trung T,** sinh năm 1966

Địa chỉ: 31st ST OKC OK 73118, USA

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16/11/2017 và bản tự khai ngày 26/12/2017, nguyên đơn bà Bùi Thị Tuyết A trình bày:

Bà và ông Le Trung T quen biết và tự nguyện kết hôn vào năm 2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 520, quyển số 03 ngày 22/02/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, ông Le Trung T quay trở về Hoa Kỳ. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại, thỉnh thoảng ông Le Trung T về Việt Nam thăm bà và gia đình. Sau đó việc liên lạc ngày càng ít dần. Từ năm 2016, hai bên chấm dứt liên lạc. Vì thời gian xa cách đã lâu, tình cảm không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông Le Trung T.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Le Trung T cư trú ở Hoa Kỳ, Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi Văn bản thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 68/UTTPDS-TA30 ngày 24/01/2018. Theo nội dung tại Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 8g00 ngày 24/10/2018, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 8g00 ngày 23/11/2018. Văn bản được Bộ Tư pháp gửi đến Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ ngày 07/3/2018. Ngày 11/6/2018, Tòa án nhận được văn bản của Bộ Tư pháp thông báo Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên.

Ngày 05/7/2018, Tòa án có văn bản số 414/ TAND-CV thông báo cho ông Le Trung T về việc giải quyết ly hôn đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ thông báo kết quả niêm yết tại trụ sở Đại sứ quán kể từ ngày 31/8/2018 và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử từ ngày 17/12/2018 (thời gian đăng tải 01 tháng). Đến khi mở phiên tòa, Tòa án không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Le Trung T và ông cũng không có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn bà Bùi Thị Tuyết A có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Bùi Thị Tuyết A được ly hôn ông Le Trung T. Về con chung: không có. Tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Tuyết A đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Le Trung T cư trú tại Hoa Kỳ; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Bùi Thị Tuyết A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Le Trung T vắng mặt đến lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Bùi Thị Tuyết A và ông Le Trung T tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 520, quyển số 03 ngày 22/02/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của bà Bùi Thị Tuyết A thì sau khi kết hôn ông Le Trung T quay trở về Hoa Kỳ, vợ chồng vẫn giữ liên lạc qua điện thoại và ông Le Trung T có về thăm bà nhưng việc liên lạc ngày càng ít, tình cảm lạnh nhạt dần. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Bà A xác định không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà A.

Về con chung: bà A khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Tuyết A;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Tuyết A được ly hôn ông Le Trung T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 520, quyển số 03 ngày 22/02/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà A khai không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Bùi Thị Tuyết A nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà A đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0048319 ngày 07/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Bùi Thị Tuyết A và bị đơn ông Le Trung T; bà Bùi Thị Tuyết A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Le Trung T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Mai **Lê Thị Xuân Lang** **Trần Thị Nhung**



Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Nhung